

| | |
|-------------|--|
| ĐỀ 1 | ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÝ LỚP 10 <i>Thời gian: 45 phút</i> |
|-------------|--|

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Câu 1: Càng lên cao khí áp càng giảm, nguyên nhân là do

- A. không khí càng khô nên nhẹ hơn, khiến khí áp giảm.
- B. gió thổi càng mạnh đẩy không khí lên, khiến khí áp giảm.
- C. không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, khiến khí áp giảm.
- D. không khí càng nhiều, nên sức nén giảm, khiến khí áp giảm.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA
PHÁP, MÊ HI CÔ VÀ VIỆT NAM, NĂM 2000.**

| Tên nước | Chia ra (%) | | |
|-----------------|-------------|------------|-------------|
| | Khu vực I | Khu vực II | Khu vực III |
| Pháp | 5,1 | 27,8 | 67,1 |
| Mê hi cô | 28,0 | 24,0 | 48,0 |
| Việt Nam | 68,0 | 12,0 | 20,0 |

Vẽ biểu đồ nào để thể hiện cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của Pháp, Mêhicô và Việt Nam, Năm 2000.

- A. cột.
- B. kết hợp.
- C. đường.
- D. tròn.

Câu 3: Đá mẹ là nguồn cung cấp vật chất vô cơ cho đất, có vai trò quyết định tới

- A. thành phần tính chất của đất.
- B. khả năng hút nước của đất.
- C. đặc tính lí, hóa và độ tơi xốp của đất.
- D. lượng chất dinh dưỡng trong đất.

Câu 4: Đặc điểm nào sau đây đúng với gió Mậu dịch?

- A. Thổi quanh năm, hướng gió gần như cố định, tính chất chung là khô.
- B. Chủ yếu thổi vào mùa đông, lạnh khô, hướng gió thay đổi theo mùa.
- C. Thổi quanh năm, hướng gió gần như cố định, tính chất chung là ẩm ướt.
- D. Chủ yếu thổi vào mùa hạ, nóng ẩm, hướng gió thay đổi theo mùa.

Câu 5: Động lực làm tăng dân số thế giới là

- A. tỉ suất sinh thô.
- B. gia tăng cơ học.
- C. tỉ suất tử thô.
- D. gia tăng dân số tự nhiên.

Câu 6: Phạm vi hoạt động của gió Tây ôn đới là

- A. thổi từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp ôn đới.
- B. thổi từ áp cao cực về áp thấp xích đạo.
- C. thổi từ áp cao cận chí tuyến về áp thấp xích đạo.
- D. thổi từ áp cao cực về áp thấp ôn đới.

Câu 7: Phát biểu nào không đúng với lượng mưa phân bố trên Trái Đất?

- A. Mưa nhiều ở hai vùng ôn đới.
- B. Mưa nhiều ở hai vùng chí tuyến Bắc và Nam.
- C. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo.
- D. Mưa càng ít, khi càng về hai cực Bắc và

Nam.

Câu 8: Ở nước ta, các loài cây sù, vẹt, đước, bần phát triển tốt trên loại đất nào sau đây?

- A. Đất feralit đồi núi.
- B. Đất chua phèn.
- C. Đất phù sa ngọt.
- D. Đất ngập mặn.

Câu 9: Nhận định nào sau đây không đúng về nguyên nhân thay đổi khí áp?

- A. Càng lên cao, khí áp giảm.
- B. Nhiệt độ tăng, khí áp tăng.
- C. Nhiệt độ giảm, không khí co lại nên khí áp tăng.
- D. Không khí chứa nhiều hơi nước thì khí áp giảm.

Câu 10: Hướng hoạt động của gió Mậu dịch là

- A. tây nam ở bán cầu Bắc, tây bắc ở bán cầu Nam.
- B. đông nam ở bán cầu Bắc, đông bắc ở bán cầu Nam.

C. đông bắc ở bán cầu Bắc, đông nam ở bán cầu Nam.

D. tây bắc ở bán cầu Bắc, tây nam ở bán cầu Nam.

Câu 11: Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật, chủ yếu thông qua các yếu tố

A. khí áp, gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.

B. nhiệt độ, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.

C. khí áp, nước, độ ẩm không khí, ánh sáng.

D. gió, nhiệt độ, nước, ánh sáng.

Câu 12: Phát biểu nào không đúng khi nói về cơ cấu dân số theo giới?

A. Biến động theo thời gian.

B. Nước phát triển nữ nhiều hơn nam.

C. Nước đang phát triển nữ nhiều hơn nam.

D. Khác nhau ở từng nước.

Câu 13: Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là

A. gia tăng dân số.

B. gia tăng dân số tự nhiên.

C. gia tăng cơ học.

D. quy mô dân số.

Câu 14: Nhân tố nào đóng vai trò chủ đạo trong sự hình thành đất?

A. Khí hậu.

B. Địa hình.

C. Sinh vật.

D. Thời gian.

Câu 15: Hiệu số giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là

A. nhóm dân số trẻ.

B. số dân trung bình cùng thời điểm.

C. gia tăng cơ học.

D. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.

Câu 16: Gió mùa là loại gió

A. thổi theo mùa, hướng và tính chất của gió ở hai mùa trái ngược nhau.

B. thổi vào mùa hạ theo hướng tây nam, tính chất của gió là nóng ẩm.

C. thổi quanh năm, hướng và tính chất của gió hầu như không thay đổi.

D. thổi vào mùa đông theo hướng đông bắc, tính chất của gió là lạnh khô.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Câu 1: (3,0 điểm)

Hãy trình bày và giải thích hoạt động của gió biển, gió đất và gió fon.

Câu 2: (3,0 điểm)

a. Phân biệt: Tỉ suất sinh thô và Tỉ suất tử thô.

b. Nêu ảnh hưởng của tình hình tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

Phần đáp án câu trắc nghiệm:

| Mã đề | 486 |
|-------|-----|
| Câu 1 | C |
| 2 | D |
| 3 | A |
| 4 | A |
| 5 | D |
| 6 | A |
| 7 | B |
| 8 | D |
| 9 | B |
| 10 | C |
| 11 | B |
| 12 | C |

| | |
|----|---|
| 13 | C |
| 14 | A |
| 15 | D |
| 16 | A |

Phần đáp án câu tự luận:

Câu 1: (3,0 điểm)

Hãy trình bày và giải thích hoạt động của gió biển, gió đất và gió fơn.

Gió biển:(1.0 điểm).

Là loại gió hình thành ở vùng ven biển, gió thổi từ biển vào trong đất liền vào ban ngày. Do ban ngày lục địa nóng, không khí nở ra, tỉ trọng giảm xuống hình thành áp thấp, còn ở biển ngược lại nên gió từ biển thổi vào.

Gió đất:(1.0 điểm).

Là loại gió hình thành ở vùng ven biển, gió thổi từ đất liền ra biển vào ban đêm. Do ban đêm lục địa lạnh, không khí co lại, tỉ trọng tăng lên hình thành áp cao, còn ở biển ngược lại nên gió thổi từ đất liền ra biển.

Gió fơn:(1.0 điểm).

Là loại gió khô nóng khi xuống núi. Do mưa nhiều ở sườn đón gió không khí vượt qua sườn khuất gió thì không còn hơi nước nhiều để mưa nên không khí khô và nóng.

Câu 2: (3,0 điểm)

a. Phân biệt: (2,0 điểm)

*** Tỷ suất sinh thô**

- KN: Là sự tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.

- Đơn vị: ‰.

- Xu hướng: giảm rõ rệt.

- Yếu tố tác động:

+ Tự nhiên- sinh học;

+ Phong tục, tập quán và tâm lí xã hội;

+ Trình độ phát triển KT-XH;

+ Chính sách dân số của từng quốc gia...

*** Tỷ suất Tử thô**

- KN: Là sự tương quan giữa số người chết trong năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm.

- Đơn vị: ‰.

- Xu hướng: giảm rõ rệt.

- Yếu tố tác động:

+ Kinh tế - xã hội: chiến tranh, đói kém, bệnh tật...

+ Thiên tai: động đất, núi lửa, hạn hán, bão lụt, sóng thần...

b. Nêu hậu quả của gia tăng dân số nhanh (1,0 điểm)

* **Kinh tế:** gây sức ép, cản trở, kìm hãm sự phát triển kinh tế, thu nhập bình quân thấp...

* **Xã hội:** gây sức ép về nhà ở, y tế, giáo dục; xã hội thiếu ổn định, tệ nạn xã hội, chất lượng cuộc sống giảm...

* **Môi trường:** ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên...

ĐỀ 2

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÍ LỚP 10

Thời gian: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM 4,0 ĐIỂM

Câu 1: Trên Trái Đất có 7 đới khí hậu. Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào?

- A. Đới khí hậu xích đạo.
- B. Đới khí hậu cận nhiệt.
- C. Đới khí hậu nhiệt đới.
- D. Đới khí hậu ôn đới.

Câu 2: Nguyên nhân tạo nên quy luật đai cao là

- A. do sự phân bố đất liền và biển, đai dương.
- B. do sự giảm nhanh nhiệt độ theo độ cao địa hình.
- C. do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.
- D. do nguồn năng lượng của bức xạ Mặt Trời.

Câu 3: Nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất là nhân tố nào sau đây?

- A. Sinh vật.
- B. Địa hình.
- C. Thời gian.
- D. Khí hậu.

Câu 4: Động lực phát triển dân số là

- A. gia tăng cơ học.
- B. tỉ suất sinh thô.
- C. tỉ suất tử thô.
- D. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.

Câu 5: Đi ã hòa dòng chảy cho sông ngòi, giảm lũ lụt là nhân tố nào sau đây?

- A. Hồ, đầm.
- B. Nước ngầm.
- C. Địa thế.
- D. Thực vật.

Câu 6: Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của các thành phần địa lí và cảnh quan thiên nhiên theo

- A. độ cao.
- B. vĩ độ.
- C. lục địa và đại dương.
- D. kinh độ.

Câu 7: Sóng biển là

- A. hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- B. sự di chuyển của các dòng biển theo chiều khác nhau tạo thành.
- C. sự chuyển động của nước biển từ ngoài khơi xô vào bờ.
- D. hình thức dao động của nước biển theo chiều nằm ngang.

Câu 8: Sự biến động dân số trên thế giới (tăng lên hay giảm đi) là do hai nhân tố chủ yếu quy định:

- A. chiến tranh và dịch bệnh.
- B. sinh đẻ và tử vong.
- C. di cư và tử vong.
- D. sinh đẻ và di cư.

Câu 9: Kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa thì có kiểu thảm thực vật và loại đất nào sau đây?

- A. Rừng xích đạo và đất feralit đỏ vàng.
- B. Rừng lá rộng và đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm.
- C. Rừng nhiệt đới ẩm và đất feralit đỏ vàng.
- D. Rừng cận nhiệt ẩm và đất đỏ nâu.

Câu 10: Nhân tố sinh học quy định với sự phát triển và phân bố của động vật là

- A. khí hậu.
- B. con người.
- C. nguồn nước.
- D. thức ăn.

Câu 11: Nơi tích tụ xúc với khí quyển, thạch quyển, sinh quyển được gọi là

- A. lớp vỏ phong hóa.
- B. biển.
- C. thổ nhưỡng quyển.
- D. đá gốc.

Câu 12: Cho một số thông tin về Việt Nam: Diện tích 331 212 km², dân số 96,9 triệu người (11/12/2018).

Mật độ dân số nước ta là

- A. 229 người/ km².
- B. 292 người/ km².
- C. 244 người/ km².
- D. 693 người/ km².

Câu 13: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA ANH, MEXICO VÀ VIỆT NAM, NĂM 2008.

| Tên nước | Chia ra (%) | | |
|----------|-------------|------------|-------------|
| | Khu vực I | Khu vực II | Khu vực III |
| Anh | 2,2 | 26,2 | 71,6 |
| Mexico | 28,0 | 24,0 | 48,0 |
| Việt Nam | 68,0 | 12,0 | 20,0 |

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu?

- A. Lao động trong khu vực I của Việt Nam chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- B. Trong khu vực II lao động của Mehico chiếm tỉ trọng nhỏ nhất.
- C. Lao động trong khu vực II của Anh chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- D. Trong khu vực III lao động của Mehico chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Câu 14: Nhân tố đất mẹ có vai trò quy ̣ định

- A. thành phần khoáng vật và thành phần hữu cơ của đất.
- B. thành phần vô cơ và thành phần hữu cơ của đất.
- C. thành phần cơ giới và thành phần hữu cơ của đất.
- D. thành phần khoáng vật và thành phần cơ giới của đất.

Câu 15: Chi ều dày của sinh quyển

- A. xuống tới đáy của lớp vỏ phong hóa.
- B. 22 km.
- C. sâu 11km.
- D. tùy thuộc giới hạn phân bố của sinh vật.

Câu 16: Dao động thủy tri ều nhỏ nhất khi

- A. Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời tạo thành một góc 90° .
- B. Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời tạo thành một góc 45° .
- C. Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời nằm thẳng hàng.
- D. Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời tạo thành một góc 120° .

II. PHẦN TỰ LUẬN 6,0 ĐIỂM

Câu 1: (3,0 điểm)

Trình bày khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa thực tiễn của quy luật về tính thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí. Việc phá rừng đầu nguồn sẽ gây ra những hậu quả gì ?

Câu 2: (3,0 điểm)

Trình bày tình hình gia tăng dân số thế giới. Dân số tăng nhanh ảnh hưởng như thế nào đến kinh tế - xã hội và môi trường?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

I. Phần đáp án câu trắc nghiệm: (4,0 điểm)

| Mã đề | 325 |
|-------|-----|
| Câu | |
| 1 | C |
| 2 | B |
| 3 | D |
| 4 | D |
| 5 | D |
| 6 | B |
| 7 | A |
| 8 | B |
| 9 | C |
| 10 | D |
| 11 | C |
| 12 | B |
| 13 | A |
| 14 | D |
| 15 | D |
| 16 | A |

II. Phần đáp án câu tự luận: (6,0 điểm)

| | Nội dung | Thành phần | Tổng |
|--|--|-------------------|-------------|
| Câu 1 | Khái niệm: Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần của toàn bộ cũng như của mỗi bộ phận lãnh thổ trong lớp vỏ địa lí. | 1.0 | 3.0 |
| | Biểu hiện: Trong tự nhiên bất cứ lãnh thổ nào cũng gồm nhiều thành phần ảnh hưởng qua lại phụ thuộc nhau. Nếu một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại và toàn bộ lãnh thổ. | 0.5 | |
| | Ý nghĩa thực tiễn; quy luật này cho ta thấy sự cần thiết phải nghiên cứu kĩ càng và toàn diện điều kiện tự nhiên của bất kì lãnh thổ nào trước khi sử dụng chúng. | 0.5 | |
| | Hậu quả của việc phá rừng đầu nguồn: + Mất cân bằng sinh thái... + Nước lũ chảy mạnh, sạt lở đất, cuốn trôi nhà cửa, thiệt hại đến tính mạng, của cải của con người... | 1.0 | |
| Câu 2 | a. Tình hình gia tăng dân số thế giới. + Dân số thế giới tăng nhanh và tăng liên tục: + Thời gian dân số thế giới tăng thêm một tỉ người, thời gian dân số tăng gấp đôi được rút ngắn. - Diễn giải: Để có 1 tỷ người đầu tiên thế giới phải mất hàng nghìn năm. + Giai đoạn: 1804 đến năm 1927 trải qua 123 năm dân số thế giới tăng thêm 1 tỷ người. + Giai đoạn: 1927 đến 1959 trải qua 32 năm dân số thế giới tăng thêm 1 tỷ người. + Giai đoạn: 1959 đến 1974 trải qua 15 năm dân số thế giới tăng thêm 1 tỷ người. | 2.0 | 3.0 |
| | b. Ảnh hưởng của dân số tăng nhanh: + Kinh tế: Kìm hãm sự phát triển kinh tế.... + Xã hội: Vấn đề nhà ở, việc làm, y tế, giáo dục... + Môi trường: Cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường... | 1.0 | |
| Tổng | | | 6.0 |
| Tổng Phần I + Phần II = 4.0 + 6.0 | | | 10.0 |

| | |
|-------------|--|
| ĐỀ 3 | ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÍ LỚP 10 <i>Thời gian: 45 phút</i> |
|-------------|--|

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)

Câu 1. Tại sao giữa 2 khối khí chí tuyến và xích đạo không tạo thành Frông thường xuyên và rõ nét?

- A. Bởi chúng đều nóng và nói chung có cùng một chế độ gió.
- B. Bởi chúng khác nhau về nhiệt độ và có cùng một chế độ gió.
- C. Bởi chúng đều nóng và có hướng gió khác nhau.
- D. Bởi chúng đều lạnh và có cùng một chế độ gió.

Câu 2. Tổng Lượng nhiệt bức xạ Mặt Trời đến Trái Đất được bề mặt Trái Đất hấp thụ bao nhiêu % ?

- A. 19 %. B. 30 %. C. 47 %. D. 4 %.

Câu 3: Phạm vi hoạt động của gió Mậu dịch là:

- A. Áp cao Cực về áp thấp Xích đạo. B. Áp cao cận Chí tuyến về áp thấp Ôn đới.
C. Áp cao Cực về áp thấp Ôn đới. D. Áp cao cận Chí tuyến về áp thấp Xích đạo.

Câu 4. Hướng hoạt động của gió Tây ôn đới là:

- A. Tây nam ở bán cầu Bắc, tây bắc ở bán cầu Nam.
B. Tây bắc ở bán cầu Bắc, tây nam ở bán cầu Nam.
C. Đông bắc ở bán cầu Bắc, đông nam ở bán cầu Nam.
D. Đông nam ở bán cầu Bắc, đông bắc ở bán cầu Nam.

Câu 5. Phát biểu nào không đúng với lượng mưa trên Trái Đất phân bố không đều theo vĩ độ.

- A. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo. B. Mưa nhiều ở hai vùng chí tuyến Bắc và Nam.
C. Mưa nhiều ở hai vùng ôn đới. D. Mưa càng ít, khi càng về hai cực Bắc và Nam.

Câu 6. Sông có chiều dài, dài nhất thế giới là sông nào ?

- A. Sông Nin. B. Sông Amazôn. C. Sông Iênitxây. D. Sông Mississippi.

Câu 7. Con sông nào có tổng diện tích lưu vực lớn nhất thế giới ?

- A. Sông Nin. B. Sông Amazôn. C. Sông Iênitxây. D. Sông Mississippi.

Câu 8. Câu nào dưới đây không đúng về sóng biển ?

- A. Sóng biển là hình thức dao động của nước biển theo chiều nằm ngang.
B. Sóng biển là hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.
C. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra sóng thần do động đất dưới đáy biển.
D. Nguyên nhân chủ yếu của sóng biển và sóng bạc đầu là do gió.

Câu 9. Có bao nhiêu nhân tố chủ yếu hình thành Đất ?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 10. Nhân tố nào đóng vai trò chủ đạo trong sự hình thành đất ?

- A. Khí hậu. B. Thời gian. C. Địa hình. D. Sinh vật.

Câu 11. Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng:

- A. 25 đến 30 km. B. 30 đến 35 km. C. 35 đến 40 km. D. 30 đến 40 km.

Câu 12: Phát biểu nào dưới đây đúng với tỉ suất sinh thô.

- A. Là sự chênh lệch giữa số trẻ em sinh ra trong năm so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
B. Là sự thể hiện bằng tổng giữa số trẻ em sinh ra trong năm và dân số trung bình năm đó.
C. Là sự tương quan giữa số trẻ em sinh ra trong năm so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
D. Là sự thể hiện bằng tích giữa số trẻ em sinh ra trong năm và dân số trung bình năm đó.

Câu 13. Khái niệm của tỉ suất tử thô là ?

- A. Là sự tương quan giữa số người chết đi trong năm so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.
B. Là sự thể hiện bằng tổng giữa số người chết đi trong năm và dân số trung bình ở năm đó.
C. Là sự thể hiện bằng tích giữa số người chết đi trong năm và dân số trung bình ở năm đó.
D. Là sự chênh lệch giữa số người chết đi trong năm so với dân số trung bình ở cùng thời điểm.

Câu 14. Phát biểu nào không đúng khi nói về cơ cấu dân số theo giới ?

- A. Biến động theo thời gian. B. Nước phát triển nữ nhiều hơn nam.
C. Khác nhau ở từng nước. D. Nước đang phát triển nữ nhiều hơn nam.

Câu 15. Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA
PHÁP, MÊ HI CÔ VÀ VIỆT NAM, NĂM 2000.**

| Tên nước | Chia ra (%) | | |
|-------------|-------------|------------|-------------|
| | Khu vực I | Khu vực II | Khu vực III |
| Pháp | 5,1 | 27,8 | 67,1 |

| | | | |
|----------|------|------|------|
| Mê hi cô | 28,0 | 24,0 | 48,0 |
| Việt Nam | 68,0 | 12,0 | 20,0 |

Vẽ biểu đồ nào để thể hiện cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của Pháp, Mêhicô và Việt Nam, Năm 2000.

- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ kết hợp.

Câu 16. Trong nhóm dân số không hoạt động kinh tế thì không có nhóm nào dưới đây:

- A. Học sinh, sinh viên. B. Những người thuộc tình trạng khác không tham gia lao động.
C. Những người nội trợ. D. Những người có nhu cầu việc làm nhưng chưa có việc làm.

II. PHẦN TỰ LUẬN VÀ BÀI TẬP (6 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Trình bày những nguyên nhân làm thay đổi khí áp.

Câu 2: (2,0 điểm)

- a. Phân biệt: gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ học.
b. Nêu ảnh hưởng của tình hình tăng dân số đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 3: (2,0 điểm)

Bảng 11. SỰ THAY ĐỔI NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM VÀ BIÊN ĐỘ NHIỆT ĐỘ NĂM THEO VĨ ĐỘ Ở BÁN CẦU BẮC

| Vĩ độ | Nhiệt độ trung bình năm (°C) | Biên độ nhiệt độ năm (°C) |
|-------|------------------------------|---------------------------|
| 0° | 24,5 | 1,8 |
| 20° | 25,0 | 7,4 |
| 30° | 20,4 | 13,3 |
| 40° | 14,0 | 17,7 |
| 50° | 5,4 | 23,8 |
| 60° | - 0,6 | 29,0 |
| ... | | |

Dựa vào kiến thức đã học và quan sát bảng 11, hãy nhận xét và giải thích:

- Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ.
- Sự thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ.

.....

ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

| | | | | | | | |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 |
| A | C | D | A | B | A | B | A |

| | | | | | | | |
|-------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Câu 9 | Câu 10 | Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 | Câu 15 | Câu 16 |
| B | D | B | C | A | D | A | D |

II. PHẦN TỰ LUẬN BÀI TẬP (6,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Nguyên nhân thay đổi khí áp:

- Khí áp thay đổi theo độ cao: Càng lên cao không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, do đó khí áp giảm.
- Khí áp thay đổi theo nhiệt độ:
 - + Nhiệt độ tăng không khí nở ra, tỉ trọng giảm đi khí áp giảm.
 - + Nhiệt độ giảm không khí co lại, tỉ trọng tăng khí áp tăng.
- Khí áp thay đổi theo độ ẩm: Không khí chứa nhiều hơi nước, khí áp giảm

Câu 2: (2,0 điểm)

a. Phân biệt: (1,0 điểm)

****Gia tăng dân số tự nhiên***

- KN: Là sự chênh lệch giữa sinh thô và tử thô.
- Do 2 yếu tố quyết định: sinh đẻ và tử vong.
- Ý nghĩa: Là động lực phát triển dân số.

****Gia tăng dân số cơ học***

- KN: Là sự chênh lệch giữa số người xuất cư và nhập cư.
- Do 2 yếu tố quyết định: xuất cư và nhập cư.
- Ý nghĩa: Có ý nghĩa quan trọng đối với từng quốc gia, từng khu vực.

b. Nêu hậu quả của gia tăng dân số nhanh (1,0 điểm)

- * **Kinh tế:** gây sức ép, cản trở, kìm hãm sự phát triển kinh tế, thu nhập bình quân thấp...
- * **Xã hội:** Gây sức ép về nhà ở, y tế, giáo dục; xã hội thiếu ổn định, tệ nạn xã hội, chất lượng cuộc sống giảm...
- * **Môi trường:** ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên...

Câu 3: (2,0 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học và quan sát bảng 11, hãy nhận xét và giải thích:

- Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ:
Từ xích đạo về cực nhiệt độ trung bình năm giảm. Do góc chiếu sáng của Mặt Trời (góc nhập xạ) càng nhỏ.
- Sự thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ:
Từ xích đạo về cực biên độ nhiệt độ tăng. Do góc nhập xạ giảm, nên nhiệt độ cao nhất và nhiệt độ thấp nhất đều giảm nhưng nhiệt độ thấp nhất giảm nhiều hơn.

.....

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) Chọn đáp án đúng

Câu 1: Những cây hoa màu nào sau đây được trồng ở miền ôn đới?

- A. Mạch đen, sắn, kê. B. Khoai tây, cao lương, kê.
C. Khoai lang, yến mạch, cao lương. D. Khoai tây, đại mạch, yến mạch.

Câu 2: Tỷ suất tử thô của nhóm nước đang phát triển năm 2015 là 7‰ có nghĩa là

- A. Trong năm 2015, trung bình 1000 dân, có 7 người chết .
B. Trong năm 2015, trung bình 1000 dân, có 7 trẻ em chết.
C. Trong năm 2015, trung bình 1000 dân, có 7 trẻ em có nguy cơ tử vong .
D. Trong năm 2015, trung bình 1000 dân, có 7 trẻ em sinh ra còn sống.

Câu 3: Nhân tố nào làm cho tỷ suất sinh cao ?

- A. Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều.
B. Phong tục tập quán lạc hậu.
C. Mức sống cao.
D. Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao.

Câu 4: Vai trò quan trọng nhất của nông nghiệp mà không ngành nào có thể thay thế được là

- A. tạo việc làm cho người lao động.
B. sản xuất ra những mặt hàng xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ.
C. cung cấp lương thực, thực phẩm đảm bảo sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người.
D. cung cấp nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 5: Bộ phận dân số nào sau đây thuộc nhóm dân số hoạt động kinh tế?

- A. Nội trợ.
B. Học sinh, sinh viên.
C. Những người có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm.
D. Những người tàn tật.

Câu 6: Ảnh hưởng tích cực của đô thị hóa là

- A. tỉ lệ dân số thành thị tăng lên một cách tự phát.
B. làm cho nông thôn mất đi nguồn nhân lực lớn.
C. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động .
D. tình trạng thất nghiệp ở thành thị ngày càng tăng.

Câu 7: Nhân tố nào sau đây là căn cứ để phân loại nguồn lực?

- A. Thời gian. B. Vai trò.
C. Mức độ ảnh hưởng. D. Nguồn gốc và phạm vi lãnh thổ

Câu 8: Giả sử tỷ suất gia tăng dân số của toàn thế giới năm 2015 là 1,2% và không thay đổi trong suốt thời kỳ 2000 – 2020, biết rằng số dân toàn thế giới năm 2015 là 7346 triệu người . Số dân của năm 2016 sẽ là

- A. 7468,25 triệu người. B. 7434,15 triệu người.
C. 7522,35 triệu người. D. 7458,25 triệu người.

Câu 9: Cây lúa gạo thích hợp với điều kiện sinh thái nào sau đây?

- A. Khí hậu khô, đất thoát nước.
B. Khí hậu ẩm, khô, đất màu mỡ.
C. Khí hậu nóng, đất ẩm.
D. Khí hậu nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.

Câu 10: Hình thức chăn nuôi nào sau đây là biểu hiện của nền nông nghiệp hiện đại?

- A. Chăn nuôi chuồng trại. B. Chăn nuôi công nghiệp.
C. Chăn nuôi nửa chuồng trại. D. Chăn nuôi chăn thả.

Câu 11: Đặc điểm quan trọng nhất để phân biệt nông nghiệp với công nghiệp là

- A. đất trồng là tư liệu sản xuất chủ yếu và không thể thay thế.
B. sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.
C. sản xuất có tính mùa vụ.
D. ứng dụng nhiều thành tựu của khoa học công nghệ và sản xuất.

Câu 12: Sự phát triển và phân bố ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào nhân tố nào sau đây?

- A. Cơ sở nguồn thức ăn. B. Thị trường tiêu thụ.
C. Giống gia súc, gia cầm. D. Dịch vụ thú y.

Câu 13: Theo thống kê dân số Việt Nam năm 2016 là 94 triệu người; diện tích Việt Nam là 331 212 km². Vậy mật độ dân số Việt Nam là bao nhiêu?

- A. 283,8 km² B. 283,2 km² C. 283,6 km² D. 283,4 km²

Câu 14: Mục đích chủ yếu của trang trại là sản xuất hàng hóa với cách thức tổ chức và quản lí sản xuất tiên bộ dựa trên

- A. công cụ thủ công và sức người. B. nhu cầu tiêu thụ sản phẩm tại chỗ.
C. chuyên môn hóa và thâm canh. D. tập quán canh tác cổ truyền.

Câu 15: Cơ cấu nền kinh tế bao gồm:

- A. Cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu lao động, cơ cấu vốn đầu tư.
B. Cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế, cơ cấu lãnh thổ.
C. Nông – lâm - ngư nghiệp, công nghiệp – xây dựng dịch vụ.
D. Cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế, cơ cấu lãnh thổ.

Câu 16: Một nước có tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi là dưới 25% , nhóm tuổi trên 60 trở lên là trên 15% thì được xếp là nước có

- A. dân số cao. B. dân số già.
C. dân số trung bình. D. dân số trẻ.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Trình bày vai trò của các nguồn lực đối với phát triển kinh tế. (Lấy ví dụ)

Câu 2: (1 điểm) Tại sao ngành nuôi trồng thủy sản thế giới ngày càng phát triển?

Câu 3: (1 điểm) Cơ cấu dân số già và cơ cấu dân số trẻ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với việc phát triển kinh tế- xã hội?

Câu 4: (2 điểm) Cho bảng số liệu:

ĐÀN BÒ TRÊN THẾ GIỚI, THỜI KÌ 1980- 2002 (triệu con)

| Năm | 1980 | 1992 | 1996 | 2002 |
|-----------------|--------|--------|--------|--------|
| Vật nuôi | | | | |
| Bò | 1218,1 | 1281,4 | 1320,0 | 1360,5 |

- a. Vẽ biểu đồ cột thể hiện số lượng đàn bò trên thế giới, thời kì 1980- 2002.
b. Nhận xét.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN ĐÁP ÁN THI HỌC KÌ I MÔN: ĐỊA LÍ 10

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm) mỗi câu đúng 0,25 điểm

| | |
|--------------|--------|
| Mã đề 357 | Đáp án |
|--------------|--------|

| | |
|----|---|
| 1 | D |
| 2 | A |
| 3 | B |
| 4 | C |
| 5 | C |
| 6 | C |
| 7 | D |
| 8 | B |
| 9 | D |
| 10 | B |
| 11 | A |
| 12 | A |
| 13 | A |
| 14 | C |
| 15 | D |
| 16 | B |

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

| Câu | Nội dung cần trình bày | Điểm |
|---------------------------|--|---------------------|
| <i>Câu 1</i> (2điểm) | Vai trò của nguồn lực đối với phát triển kinh tế. - Vị trí địa lí tạo thuận lợi hay gây khó khăn trong việc trao đổi tiếp cận giữa các vùng, các nước với nhau. (ví dụ) - Nguồn lực tự nhiên là cơ sở tự nhiên của quá trình sản xuất. (ví dụ) - Nguồn lực kinh tế- xã hội có vai trò trong việc lựa chọn chiến lược phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn. (ví dụ) | 0,75 0,5 0,75 |
| <i>Câu 2</i> (1điểm) | Ngành nuôi trồng thủy sản thế giới ngày càng phát triển vì: - Nhu cầu về thủy sản lớn, nhưng việc khai thác ngày càng gặp nhiều khó khăn (do bảo vệ nguồn lợi, do cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, do đầu tư lớn trong khai thác). - Việc nuôi trồng thủy sản không quá phức tạp, khó khăn và tốn kém; đồng thời tận dụng được mặt nước và giải quyết lao động; tạo ra được khối lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về thực phẩm. | 0,5 0,5 |
| <i>Câu 3</i> (1 điểm) | - Cơ cấu dân số già + Thuận lợi: Có nhiều kinh nghiệm, có của cải vật chất,... + Khó khăn: Thiếu lao động, chi phí cho phúc lợi xã hội lớn,... - Cơ cấu dân số trẻ + Thuận lợi: Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thị rộng lớn,.. + Khó khăn: Thiếu kinh nghiệm, ít của cải vật chất,... | 0,5 0,5 |
| <i>Câu 4</i> (2 điểm) | a) Vẽ biểu đồ: + Vẽ biểu đồ cột có đơn vị, khoảng cách ở các trục hợp lí, có tên biểu đồ. + Nếu thiếu hoặc sai một yếu tố thì trừ 0,25 điểm. + Nếu không có đơn vị thì trừ 0,5 điểm.. + Nếu vẽ biểu đồ cột gắn vào trục tung thì trừ 0,25 điểm. b) Nhận xét: Số lượng đàn bò thế giới thời kì 1980- 2002 tăng liên tục(dẫn chứng cụ thể) | 1,5 0,5 |

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Câu 1: Trong tầng đối lưu, trung bình cứ lên cao 100m nhiệt độ sẽ giảm:

- A. 0,06°C B. 0,6°C C. 1,6°C D. 1°C

Câu 2: Khi trong lục địa hình thành áp cao, ngoài đại dương hình thành áp thấp

→ Gió từ lục địa thổi ra đại dương gọi là loại gió gì ?

- A. Gió mùa: mùa hạ B. Gió biển
C. Gió mùa: mùa đông D. Gió đất

Câu 3: Hãy tính độ cao h của đỉnh núi (đơn vị: km) ?

Biết rằng : Bên sườn A của núi có gió từ biển mang không khí ẩm từ biển thổi đến, gây mưa. Gió này vượt qua đỉnh núi, khi qua sườn B của núi: trở nên nóng khô. Nhiệt độ: dưới chân núi thuộc sườn A là 25°C và dưới chân núi thuộc sườn B là 45°C.

- A. 6 B. 4 C. 5 D. 3

Câu 4: Sóng thần là:

- A. Sóng xuất hiện bất thần
B. Do mẹ thiên nhiên nổi giận
C. Sóng cao dữ dội, khoảng 20 – 30m
D. Sóng do các thần linh tạo ra theo quan điểm của một số tôn giáo

Câu 5: Toàn bộ các loại thực vật khác nhau sinh sống trên một vùng rộng lớn được gọi là:

- A. Hệ thực vật B. Nguồn nước C. Thảm thực vật D. Rừng

Câu 6: Sự phân bố thực vật và đất theo độ cao chủ yếu phụ thuộc vào yếu tố:

- A. Nhiệt độ và áp suất không khí. B. Nhiệt độ và độ ẩm không khí.
C. Độ ẩm không khí và áp suất không khí.
D. Nhiệt độ và thời gian chiếu sáng.

Câu 7: Dải hội tụ nhiệt đới hình thành từ 2 khối khí:

- A. Chí tuyến hải dương và xích đạo B. Chí tuyến lục địa và xích đạo
C. Bắc xích đạo và Nam xích đạo
D. Chí tuyến hải dương và chí tuyến lục địa

Câu 8: Nhận định nào dưới đây chưa chính xác:

- A. Gió thường xuất phát từ các áp cao
B. Các đai khí áp phân bố liên tục theo các đường vĩ tuyến
C. Trên Trái Đất có 7 đai khí áp chính
D. Hai đai áp cao được ngăn cách với nhau bởi 1 đai áp thấp

Câu 9: Do mất hết hơi ẩm ở sườn đón gió → qua bên sườn đón gió, không khí trở nên khô và cứ xuống 100 mét: t°C lại tăng:

- A. 1°C B. 0,4°C C. 0,8°C D. 0,6°C

Câu 10: Không khí nằm 2 bên của Frông có sự khác biệt cơ bản về:

- A. Tốc độ di chuyển B. Độ dày
C. Thành phần không khí D. Tính chất vật lí

Câu 11: Nhận định nào dưới đây chưa chính xác:

- A. Các khối khí được chia thành kiểu lục địa và hải dương là dựa vào các đặc tính về nhiệt độ của nó
- B. Khối khí xích đạo chỉ có kiểu hải dương do tỉ lệ diện tích lục địa ở khu vực xích đạo rất ít
- C. Các khối khí có sự phân bố theo vĩ độ tương đối rõ
- D. Mỗi bán cầu trên Trái Đất có bốn khối khí chính

Câu 12: Frông khí quyển là:

- A. Mặt tiếp xúc của 2 khối khí có nguồn gốc khác nhau
- B. Mặt tiếp xúc giữa 1 khối khí hải dương với 1 khối khí lục địa
- C. Mặt tiếp xúc với mặt đất của 1 khối khí
- D. Mặt tiếp xúc giữa 2 khối không khí ở vùng ngoại tuyến

Câu 13: Khi nhiệt độ tăng sẽ dẫn đến khí áp:

- A. Tăng lên
- B. Chỉ giảm khi nhiệt độ tăng lên chưa đạt đến 30°C
- C. Không tăng, không giảm
- D. Giảm đi

Câu 14: Câu nào dưới đây không chính xác:

- A. Nguyên nhân chủ yếu của sóng biển và sóng bạc đầu là gió
- B. Sóng biển là hình thức giao động của nước biển theo chiều thẳng đứng
- C. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra sóng thần là do động đất dưới đáy biển
- D. Sóng biển là hình thức giao động của nước biển theo chiều nằm ngang

Câu 15: Sông có chiều dài lớn nhất Thế Giới là:

- A. Sông Trường Giang
- B. Sông Nin
- C. Sông Missisipi
- D. Sông Amadôn

Câu 16: Vào thời gian đầu đông nước ta chịu ảnh hưởng của khối khí:

- A. Chí tuyến lục địa
- B. Ôn đới lục địa
- C. Địa cực lục địa
- D. Ôn đới hải dương

Câu 17: Các dòng biển nóng thường có hướng chảy:

- A. Từ vĩ độ cao về vĩ độ thấp
- B. Từ vĩ độ thấp về vĩ độ cao
- C. Nam – Bắc
- D. Bắc – Nam

Câu 18: Frông ôn đới(FP) là frông hình thành do sự tiếp xúc của 2 khối khí:

- A. Ôn đới và chí tuyến
- B. Ôn đới lục địa và ôn đới hải dương
- C. Địa cực và ôn đới
- D. Địa cực lục địa và địa cực hải dương

Câu 19: Quyển chứa toàn bộ sự sống của trái đất gọi là:

- A. Thạch quyển
- B. Khí quyển
- C. Thổ nhưỡng quyển
- D. Sinh quyển

Câu 20: Dao động thủy triều lớn nhất khi:

- A. Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm trên cùng một mặt phẳng
- B. Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm thẳng hàng
- C. Bán cầu bắc ngã về phí Mặt Trời
- D. Trái Đất nằm ở vị trí gần Mặt Trời nhất

Câu 21: Thủy triều lớn nhất khi nào ?

- A. Trăng Tròn hoặc không trăng
- B. Trăng tròn
- C. Không Trăng
- D. Trăng Khuyết

Câu 22: Hướng thổi thường xuyên của gió Tây ôn đới ở 2 bán cầu là:

- A. Tây Nam ở cả 1 bán cầu
- B. Tây Bắc ở cả 2 bán cầu
- C. Tây Bắc ở bán cầu Bắc và Tây Nam ở bán cầu Nam
- D. Tây Nam ở bán cầu Bắc và Tây Bắc ở bán cầu Nam

Câu 23: Khối khí chí tuyến lục địa được kí hiệu là:

- A. Tm B. TC C. Tc D. TM

Câu 24: Trong số các nhân tố tự nhiên, nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất đối với sự phân bố của các thảm thực vật trên thế giới là:

- A. Nguồn nước B. Đất C. Địa hình D. Khí hậu

Câu 25: Ở vùng ôn đới lạnh, sông thường lũ lụt vào lúc :

- A. Mùa hạ là mùa mưa nhiều B. Mùa thu là mùa bắt đầu có tuyết rơi
C. Mùa đông là mùa mưa nhiều D. Mùa xuân là mùa tuyết tan

Câu 26: Giới hạn phía trên của sinh quyển là:

- A. Nơi tiếp giáp tầng ôdôn B. Giới hạn trên tầng đối lưu
C. Nơi tiếp giáp tầng iôn D. Đỉnh Evoret

Câu 27: Giới hạn dưới của sinh quyển là:

- A. Giới hạn dưới của lớp vỏ Trái Đất
B. Độ sâu 11km
C. Đáy đại dương (ở đại dương) và đáy của tầng phong hóa (ở lục địa)
D. Giới hạn dưới của vỏ lục địa

Câu 28: Nguyên nhân chủ yếu gây nên sóng thần là:

- A. Động đất dưới đáy biển B. Núi lửa phun dưới đáy biển
C. Bão lớn D. Gió mạnh

----- HẾT -----

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Hãy vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện giá trị so sánh và nhận xét về độ che phủ rừng của nước ta qua các năm

| | | | | |
|-------------------------|------|------|------|------|
| Năm : | 1943 | 1975 | 1990 | 2005 |
| Độ che phủ rừng (%) : | 42,4 | 29,1 | 27,9 | 37,6 |

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN:

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

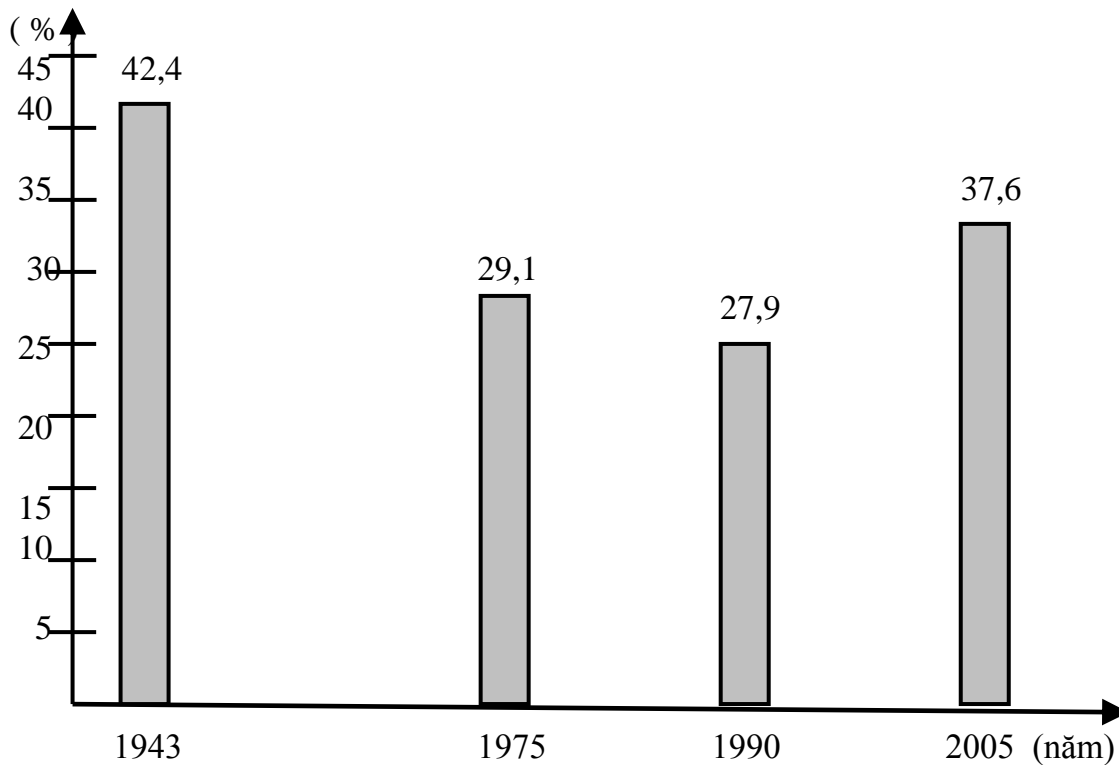
Thí sinh chọn 1 phương án trả lời đúng (trong A, B, C, D) để tô đen vào bảng (Mỗi câu, ứng với một phương án đúng: cho 0,25 điểm)

| | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|
| Câu : | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| Phương án : | B | C | C | C | C | B | C | B | A | D | A | A | D | D |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu : | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| Phương án : | B | B | B | A | D | B | A | D | C | D | D | A | C | A |

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

- a. Vẽ biểu đồ hình cột: 2,0 điểm (Yêu cầu: Đúng – đủ -đẹp như hình dưới)
(Nếu thí sinh vẽ biểu đồ đường thì chỉ cho 1,0 điểm)



Biểu đồ về độ che phủ rừng nước ta thời kỳ 1943 – 2005

- b. Nhận xét :
- 1943 → 2005 : Nhìn chung giảm , giảm 4,8 % (0,5 điểm)
 - Cụ thể: trong từng gian đoạn: (0,5 điểm)
- + Từ 1943 → 1990 : giảm liên tục, nhìn chung giảm 13,3 %
- + Từ 1983 → 2005 : tăng, tăng 7,7 %

ĐỀ 6

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn ĐỊA LÝ LỚP 10
Thời gian: 45 phút

I- PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM)

Câu 1. Động lực phát triển dân số thế giới là:

- A) gia tăng tự nhiên dân số.
- B) tỉ suất sinh thô cao.
- C) gia tăng cơ học dân số.
- D) nền kinh tế phát triển mạnh.

Câu 2. Thông thường, nhóm tuổi từ 15-59 tuổi được gọi là nhóm

- A) trong độ tuổi lao động.
- B) trên độ tuổi lao động.
- C) dưới độ tuổi lao động.
- D) hết độ tuổi lao động.

Câu 3. Thông thường, nhóm tuổi từ 0-14 tuổi được gọi là nhóm

- A) dưới độ tuổi lao động.
- B) trên độ tuổi lao động.

- C) trong độ tuổi lao động.
- D) hết độ tuổi lao động.

Câu 4 Xu hướng của nền nông nghiệp hiện đại hiện nay là:

- A) sản xuất nông nghiệp mang tính hàng hóa.
- B) sản xuất nông nghiệp mang tính mùa vụ.
- C) sản xuất nông nghiệp chuyên môn hóa cao.
- D) sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

Câu 5 Từ biểu đồ “Cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế của Pháp, Mexico và Việt Nam năm 2005” dưới đây, hãy cho biết các quốc gia này lần lượt mang đặc trưng kinh tế của các nhóm nước nào trên thế giới?

- A) Phát triển, công nghiệp mới, đang phát triển.
- B) Phát triển, đang phát triển, kém phát triển.
- C) Công nghiệp mới, phát triển, đang phát triển.
- D) Phát triển, đang phát triển, công nghiệp mới.

Câu 6 Nhân tố quyết định nhất đến sự phân bố dân cư là

- A) trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- B) khí hậu.
- C) đất đai
- D) nguồn nước.

Câu 7 Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm với

- A) số dân trung bình ở cùng thời điểm.
- B) số dân trong độ tuổi từ 60 tuổi trở lên.
- C) số người trong độ tuổi lao động.
- D) số người ở độ tuổi từ 0 - 14 tuổi.

§,p ,n A

Câu 8 Dân số Việt Nam năm 2016 là 92,7 triệu người và số trẻ em sinh ra trong năm đó là 1459098 trẻ em. Tỉ suất sinh thô của Việt Nam năm 2016 là

- A) 15,74%0
- B) 15,74%
- C) 14,74%
- D) 13,74%0

Câu 9 Sử dụng bảng số liệu “Sản lượng lương thực của thế giới thời kì 1950-2003” sau, lựa chọn biểu đồ phù hợp thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng lương thực thế giới giai đoạn 1950-20013

Năm 1950 1970 1990 2000 2013

Sản lượng (triệu tấn) 676,0 1213,0 1950,0 2060,0 2044,0

- A) Biểu đồ cột đơn.
- B) Biểu đồ cột kép.
- C) Biểu đồ tròn
- D) Biểu đồ đường.

Câu 10 Biểu hiện của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa là

- A) hình thành và phát triển các vùng chuyên môn hóa.
- B) chủ yếu tạo ra các sản phẩm để tiêu dùng tại chỗ.
- C) sử dụng nhiều công cụ thủ công và sức người.
- D) sản xuất theo lối quảng canh để không ngừng tăng năng suất.

II- PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)

Câu 1 (2,5 điểm):

a. Trình bày tình hình nuôi trồng thủy sản. (1,5 điểm)

b. Tại sao đối với nhiều nước đang phát triển, đông dân, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu? (1,0 điểm)

Câu 2 (2,5 điểm):

a. Nêu vai trò của cây lương thực (1,0 điểm):

b. Tại sao không có ngành nào có thể thay thế ngành nông nghiệp.(1,5 điểm)

Câu 3 (1,0 điểm)

Cho đoạn thông tin sau:

Dân số Việt Nam đã đạt con số 90 triệu dân, đứng thứ 14 trên thế giới và thứ 8 châu Á. Cùng với xu hướng giảm sinh, nâng cao tuổi thọ, tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động tăng lên đạt 69%/tổng số dân. Việt Nam chính thức bước vào thời kì “Cơ cấu dân số vàng”.

Em hiểu thế nào là “Cơ cấu dân số vàng”? Cho biết ý kiến của em về tác động của “Cơ cấu dân số vàng” tới sự phát triển kinh tế-xã hội của nước ta.

-----Hết-----

Họ tên học sinh.....SBD.....

Học sinh không được sử dụng tài liệu.

Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2018-2019
MÔN ĐỊA LÍ-KHỐI 10-BAN CƠ BẢN D**

I- PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 ĐIỂM)

II- PHẦN TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM) - Thời gian: phút

| Câu | Nội dung | Điểm |
|----------------|---|--|
| 1(3,0đ) | a. Trình bày tình hình nuôi trồng thủy sản. -Nguồn thủy sản khai thác.....nuôi trồng TS..... -Sản lượng TS tăng nhanh.... -Nhiều loại có giá trị kinh tế cao.... -Các nước có ngành TS phát triển... | 1,5 0,5 0,5 0,25 0,25 |
| | b. Tại sao đối với nhiều nước đang phát triển, đông dân, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu -Ở các nước đang đông dân...phát triển, hoạt động nông nghiệp liên quan đến việc làm, thu nhập và đời sống của đa số dân cư, gắn liền với phần lớn lãnh thổ quốc gia, -Trình độ SX.... -vì thế phát triển NN có vai trò quan trọng đặc biệt đối với sự ổn địnhKT, chính trị và XH của đất nước. | 1,0 0,25 0,25 0,25 0,25 |
| 2(2,5đ) | a. Vai trò của cây lương thực -Cung cấp tinh bột... -Cung cấp nguyên liệu.... -Nguồn hàng hóa xuất khẩu... | 1,0 |
| | b. Không có ngành nào có thể thay thế ngành nông nghiệp vì -Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người... -Đảm bảo nguồn nguyên liệu... -Sản xuất các mặt hàng có giá trị.... -Tạo việc làm cho... -Góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế.... | 1,5 |
| 3(1,0đ) | a. Cơ cấu dân số vàng: là thời kì cơ cấu dân số thể hiện số người trong độ tuổi lao động chiếm tỉ trọng cao hơn số người phụ thuộc(chiếm 2/3 dân số trở lên). | 1,0 0,5 |
| | b. Tác động của cơ cấu dân số vàng... -Thuận lợi: +Có nguồn LĐ dồi dào. trẻ... +Nếu nguồn LĐ này được tận dụng tối đa sẽ đem lại nguồn | 0,25 |

| | | |
|-------------|--|---------------|
| | của cải vật chất khổng lồ, tạo giá trị tích lũy cho tương lai. -Khó khăn: +Nguồn LĐ dồi dào, trong khi nền Kt nước ta chưa phát triển dẫn đến thiếu việc làm, thất nghiệp tăng cao.... | 0,25 |
| Tổng | Câu 1+ câu 2 + Câu 3 | 10điểm |

ĐỀ 7

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Môn ĐỊA LÍ LỚP 10
Thời gian: 45 phút

Câu 1: sự biến động dân số trên thế giới (tăng lên hay giảm đi) là do hai nhân tố chủ yếu quyết định:

- a. Sinh đẻ và tử vong
- b. Sinh đẻ và di cư
- c. Di cư và tử vong
- d. Di cư và chiến tranh dịch bệnh

Câu 2: Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra trong năm so với:

- a. Số người trong độ tuổi sinh đẻ ở cùng thời điểm
- b. Dân số trung bình ở cùng thời điểm
- c. Số phụ nữ trong độ tuổi từ 18 – 40 ở cùng thời điểm
- d. Số phụ nữ trong tổng dân số ở cùng thời điểm

Câu 3: Việt Nam có dân số là 84 triệu người và diện tích khoảng 331. 900 km² thì có mật độ dân số là:

- a. 234 người/ km²
- b. 324 người/ km²
- c. 312 người/m²
- d. 253 người/km².

Câu 4: Nhân tố nào sau đây ít tác động đến tỉ suất sinh:

- a. Phong tục tập quán và tâm lí xã hội
- b. Thiên tai (động đất, núi lửa, lũ lụt...)
- c. Chính sách phát triển dân số
- d. Trình độ phát triển kinh tế – xã hội

Câu 5: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến tỉ suất tử thô trên thế giới có xu hướng giảm là:

- a. Tiến bộ về y tế và khoa học, kĩ thuật
- b. Điều kiện sống, mức sống, thu nhập được cải thiện
- c. Sự phát triển kinh tế
- d. Hòa bình trên thế giới được đảm bảo

Câu 6: Các cường quốc dân số trên tập trung chủ yếu ở châu lục:

- a. Châu Phi
- b. Châu Âu
- c. Châu Á
- d. Châu Mỹ

Câu 7: Qui luật địa đới là:

- a. Sự thay đổi của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo vĩ độ
- b. Sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và các cảnh quan địa lí theo vĩ độ
- c. Sự thay đổi có qui luật của các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo kinh độ
- d. Sự thay đổi của khí hậu theo vĩ độ

Câu 8: Đá mẹ cung cấp cho đất các thành phần:

- a. Vô cơ
- b. Mùn
- c. Hữu cơ
- d. Ý a và c đúng

Câu 9: Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm so với:

- a. Số người thuộc nhóm dân số già ở cùng thời điểm
- b. Số trẻ em và người già trong xã hội ở cùng thời điểm
- c. Những người có nguy cơ tử vong cao trong xã hội ở cùng thời điểm
- d. Dân số trung bình ở cùng thời điểm

Câu 10: Hiện tượng nào dưới đây không biểu hiện cho qui luật địa đới:

- a. Sự phân bố các vành đai nhiệt trên Trái Đất
- b. Gió Tây ôn đới
- c. Gió Mậu dịch
- d. Gió mùa

11 . Khối khí kí hiệu E có tên và đặc điểm :

- a . Xích đạo : nóng
- b . Chí tuyến : rất nóng
- c . Ôn đới : lạnh
- d . Cực : rất lạnh

12 . Frông ôn đới có ký hiệu :

- a . FA
- b . FD
- c . FP
- d . FIT

13. Khu vực có mưa ít nhất trên Trái Đất:

- a. Xích đạo b. Chí tuyến c. Vòng cực d. Cực

14. Vĩ độ nào trên Trái Đất có biên độ nhiệt trung bình năm cao nhất :

- a. 0° b. 30° c. 60° d. 90°

15. Nha Trang và Đà Lạt cùng nằm trên 1 vĩ tuyến, song Nha Trang nằm sát biển (độ cao 0 m) Đà Lạt lại cao 1500 m so với mặt nước biển. Khi Nha Trang 28° thì Đà Lạt sẽ có nhiệt độ:

- a. 20°C c. 19°C
b. 25°C d. 16°C

16. Khi Mặt Trăng – Mặt Trời – Trái Đất nằm thẳng hàng thì xảy ra hiện tượng :

- a. Triều cường b. Triều kém c. Nhật thực d. Nguyệt thực

17. Một dòng biển ở bán cầu Nam được gọi là dòng biển lạnh khi dòng chảy có hướng: a. Đông --> Tây

b. Tây --> Đông c. Nam --> Bắc d. Bắc --> Nam 18. Nhân tố nào sau đây giúp sông Mê Kông có chế độ nước điều hòa hơn sông Hồng ?

- a. Chảy qua vùng đất thấm nước hơn c. Có Biển Hồ và sông Tông lê xáp
b. Có nhiều rừng ở đầu nguồn hơn d. Thượng nguồn là vùng mưa nhiều hơn 19.

Đất đỏ vàng có độ phì trung bình, thích hợp với cây công nghiệp là sản phẩm của vùng:

- a. Cận nhiệt b. Ôn đới c. Thảo nguyên d. Đài nguyên

20. Sinh quyển là :

- a) Bề mặt Trái Đất nơi có sự sống
b) Bề mặt Trái Đất và lớp không khí ở tầng đối lưu
c) Khu vực từ tầng đối lưu đến lớp vỏ phong hóa ở bề mặt thạch quyển
d) Gồm tầng đối lưu của khí quyển ,thủy quyển ,lớp đất phong hóa .

21. Nguyên nhân tạo ra tính địa đới là :

- a) Trái Đất có hình cầu
b) Trái Đất nghiêng khi quay trên quỹ đạo
c) Trái Đất vừa quay quanh trục vừa quay quanh Mặt Trời
d) Vận tốc quay của Trái Đất khá lớn.

22. Tính địa ô là sự thay đổi có quy luật các thành phần tự nhiên, các cảnh quan địa lý theo

- a. Kinh độ b. Vĩ độ c. Độ cao d. Địa hình

23. Các quy luật địa đới và phi địa đới thường tác động :

- a) Độc lập với nhau c) Xen kẽ nhau
b) Đồng thời và tương hỗ lẫn nhau d) Đối lập nhau

24. Nguyên nhân gián tiếp của quy luật phi địa đới là:

- a) Nguồn bức xạ Mặt Trời c) Độ cao của địa hình
b) Nguồn năng lượng trong lòng đất d) Sự phân bố không đều giữa lục địa và hải dương

25. Ý nào sau đây không đúng khi nói về vai trò của con người đối với sự phân bố sinh vật trên Trái Đất ?

- a. Con người đã thu hẹp diện tích rừng làm tuyệt chủng nhiều loại động thực vật
b. Con người đã biết lai tạo để cho ra nhiều giống mới làm đa dạng thêm giới sinh vật

c. Con người đã di cư các loại cây trồng và vật nuôi làm thay đổi sự phân bố nguyên thủy

d. Con người làm thay đổi khí hậu trên Trái Đất nên đã làm thay đổi sự phân bố sinh vật

26 . Quốc gia có dân số đông nhất trên thế giới hiện nay theo thứ tự từ lớn đến nhỏ là:

- a. Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Hoa Kỳ, Indonexia.
- b. Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Indonexia, Braxin.
- c. Quốc, Ấn Độ, Indonexia, Hoa Kỳ, Braxin.
- d. Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Braxin, Indonexia.

27. Các nước đang phát triển phải thực hiện chính sách dân số vì:

- a) Dân số tăng quá nhanh
- b) Mất cân đối giữa tăng trưởng dân số với phát triển kinh tế
- c) Tình trạng dư thừa lao động
- d) Tỷ lệ phụ thuộc quá lớn

28. Động lực phát triển dân số thế giới là:

- a) Sự gia tăng tự nhiên
- b) Sự sinh đẻ và di cư
- c) Sự gia tăng cơ học
- d) Sự gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học

29. Kiểu tháp tuổi nào sau đây thể hiện độ tuổi thọ trung bình cao ?

- a) Mở rộng
- b) Thu hẹp
- c) Ổn định
- d) Không thể xác định được

30. Dân số lao động là :

- a. Những người lao động có một nghề nghiệp cụ thể
- b. Những người lao động có thu nhập
- c. Những người lao động có hưởng lương
- d. Những người trong độ tuổi lao động

có mật độ dân số thấp nhất thế giới là :

- a. Tây Á
- b. Châu đại Dương
- c. Bắc Phi
- d. Trung Phi

32. Nhiệm vụ quan trọng của ngành nông nghiệp là :

- a. Cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người
- b. Phục vụ nhu cầu ăn, mặc cho con người
- c. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp
- d. Cung cấp hàng xuất khẩu

33. Hình thức nào sau đây thể hiện một nền nông nghiệp hiện đại ,phát triển ?

- a. Xen canh
- b. Luân canh
- c. Thâm canh
- d. Quảng canh

34. Quốc gia nào sau đây tuy không nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới nhưng lại trồng lúa và có lượng gạo xuất khẩu lớn ?

- a . Hoa Kỳ
- b .Pháp
- c. Thái Lan
- d . Nga

35. "Nước Cộng hòa Cafê" dùng để chỉ :

- a .Colombia
- b .Braxin
- c .Anh
- d .Pháp

36. Nguyên nhân chính gây ra tình trạng mất đất canh tác là :

- a .Khai thác rừng để lấy gỗ
- b .Mở rộng diện tích đất canh tác ,đồng cỏ
- c .Tình trạng cháy rừng
- d .Do dân số tăng ,đô thị hóa phát triển

37. Nhân tố quan trọng bậc nhất đối với sự phát triển và phân bố chăn nuôi là :

- a) Thức ăn
- b) Giống
- c) Hệ thống chuồng trại
- d) Nhu cầu thị trường

38. Hình thức cao nhất của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp là :

- a) Tổng hợp thể nông nghiệp
- b) Vùng nông nghiệp
- c) Nông trường quốc doanh
- d) Hợp tác xã nông nghiệp
- d) Khai thác tài nguyên đất đai, khí hậu để sản xuất nhiều sản phẩm cho con người

39 .Lớp vỏ địa lý còn được gọi tên là :

- a.Lớp phủ thực vật
- b.Lớp thổ nhưỡng
- c.Lớp vỏ cảnh quan
- d.Lớp vỏ Trái Đất

40.Kiểu khí hậu nào sau đây có lượng mưa lớn nhất và phân bố đều trong năm?

- a) Nhiệt đới gió mùa
- b) Ôn đới hải dương
- c) Xích đạo
- d) Địa Trung Hải

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KỲ 1, ĐỊA LÝ 10

| CÂU | ĐÁP ÁN | CÂU | ĐÁP ÁN |
|-----|--------|-----|--------|
| 1 | A | 21 | A |
| 2 | B | 22 | A |
| 3 | D | 23 | B |
| 4 | B | 24 | B |
| 5 | A | 25 | D |
| 6 | C | 26 | B |
| 7 | C | 27 | A |
| 8 | A | 28 | A |
| 9 | D | 29 | A |
| 10 | D | 30 | D |
| 11 | A | 31 | B |
| 12 | C | 32 | A |
| 13 | D | 33 | C |
| 14 | D | 34 | A |
| 15 | C | 35 | B |
| 16 | A | 36 | D |
| 17 | C | 37 | A |

| | | | |
|----|---|----|---|
| 18 | C | 38 | B |
| 19 | A | 39 | C |
| 20 | A | 40 | C |

| | |
|-------------|--|
| ĐỀ 8 | ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I Môn ĐỊA LÍ LỚP 10 <i>Thời gian: 45 phút</i> |
|-------------|--|

I. Trắc nghiệm: 5 điểm (20câu)

0001(NB) Đường chuyển ngày quốc tế là đường kinh tuyến:

- A. 180⁰ Đ. B. 180⁰
 C. 180⁰ T. D. 0⁰.

0002: (NB) Hiện tượng có ngày đêm trên Trái đất là do các nhân tố nào quyết định:

- A. Dạng hình cầu của Trái đất. B. Trái đất chuyển động quanh Mặt trời.
C. Dạng hình cầu và sự tự quay quanh trục của Trái đất. D. Sự tự quay quanh trục của Trái đất.

0003:(TH) Khi Trái Đất tự quay quanh trục thì những địa điểm trên Trái đất không thay đổi vị trí là:

- A. hai cực. B. hai chí tuyến. C. vòng cực. D. xích đạo.

0004 : (TH) Đâu **không phải** là hệ quả của vận động tự quay quanh trục của Trái đất :

- A. Các mùa trong năm. B. Giờ trên Trái đất và đường chuyển ngày.
 C. Ngày đêm luân phiên. D. Sự lệch hướng các vật thể chuyển động.

0005: (TH) Nơi mà hiện tượng Mặt Trời lên thiên đỉnh 1 lần duy nhất trong năm là:

- A. vòng cực. B. vùng nội chí tuyến. C. chí tuyến. D. vùng ngoại chí tuyến.

0006: (NB) Khu vực nào trên Trái Đất mà có ngày 6 tháng và đêm 6 tháng:

- A. Ở Xích đạo. B. Vòng cực. C. Chí tuyến. D. Hai cực .

0007: (NB) Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất ở khu vực nào trên Trái đất:

- A. Lục địa. B. Ôn đới. C. Đại dương. D. Cực.

0008: (NB) Biên độ nhiệt độ năm thay đổi như thế nào từ xích đạo về cực ở Bán cầu Bắc :

- A. Giảm dần. B. Tăng dần. C. Không thay đổi. D. Tăng giảm bất thường

0009: (NB) Nhận định nào sau đây **không đúng** về sự phân bố nhiệt độ theo lục địa và đại dương:

- A. Nhiệt độ trung bình năm ở lục địa cao hơn đại dương. B. Biên độ nhiệt độ ở đại dương nhỏ.
C. Nhiệt độ trung bình năm ở lục địa nhỏ hơn đại dương. D. Biên độ nhiệt độ ở lục địa lớn.

0010: (NB) Càng lên cao, nhiệt độ không khí thay đổi như thế nào:

- A. Càng giảm. B. Càng tăng. C. Không thay đổi. D. Biến động thất thường.

0011: (NB) Trong thực tế các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành khu khí áp riêng biệt do:

- A. Ảnh hưởng của địa hình. B. Ảnh hưởng của gió.
 C. Ảnh hưởng của biển. D. Sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương

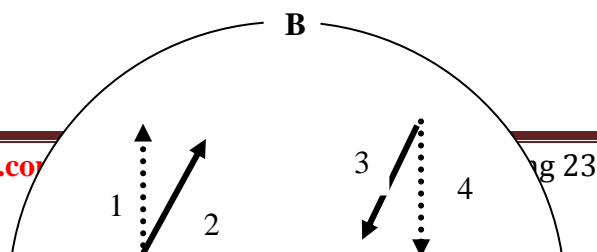
0012: (NB) Hướng gió Mậu dịch ở bán cầu Bắc là

- A. đông bắc. B. đông nam. C. tây nam. D. tây bắc.

0013: (NB) Tính chất của gió Tây ôn đới là

- A. độ ẩm thấp. B. độ ẩm trung bình. C. độ ẩm không ổn định D. độ ẩm rất cao

0014: (TH) Quan sát hình vẽ về **Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể trên bề mặt Trái đất**, hãy cho biết hướng chuyển động ban đầu và hướng sau khi lệch lần lượt là:



A. 1 và 2. B. 3 và 4. C. 2 và 1. D. 2 và 3.

0015: (VDC) Nhân tố gây mưa ở vùng Tây Nguyên và Nam Bộ nước ta vào mùa hạ là
A. gió mùa đông bắc. B. gió mùa tây nam. C. mưa bão. D. dòng biển.

0016: (VDC) Ở nước ta, khu vực nào chịu ảnh hưởng của gió Fơn Tây Nam mạnh nhất:
A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Nguyên. D. Bắc Trung Bộ.

0017: (VDT) Nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới Bắc bán cầu nên chịu tác động của các loại gió:
A. Gió mậu dịch và gió mùa B. Gió mậu dịch và gió tây ôn đới
C. Gió mùa và gió tây ôn đới D. Gió mùa và gió đông cực.

0018: (NB) Trên Trái Đất, lượng mưa phân bố nhiều nhất là
A. vùng ôn đới. B. vùng chí tuyến. C. vùng xích đạo. D. vùng cực.

0019: (NB) Nhân tố nào **không** ảnh hưởng đến sự phân bố mưa trên Trái đất:
A. Địa hình B. Khí áp C. Thổ nhưỡng D. Dòng biển

0020: (VDT) Trên Trái đất, ở các nơi có các khu áp cao, thường xuất hiện :
A. Các đồng bằng xanh tốt. B. Các khu rừng rậm nhiệt đới.
C. Các vùng hoang mạc. D. Các vùng đồng cỏ xanh tốt.

II. Tự luận: (5 điểm)

Câu 1: Thế nào là tỉ suất sinh thô? Tỉ suất sinh thô của Thế giới thay đổi như thế nào theo thời gian? So sánh tỉ suất sinh thô của nhóm nước Phát triển với nhóm nước Đang phát triển? (2,5 điểm)

Câu 2: Qua số liệu về : Cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong năm 2000 và năm 2005(2,5 điểm)

| Khu vực (%) | Nông- nghiệp | Lâm- ngư | Công nghiệp- xây dựng | Dịch vụ |
|-------------|--------------|----------|-----------------------|---------|
| | | | | |
| 2000 | 65.0 | 13.0 | 22.0 | |
| 2005 | 57.0 | 19.0 | 24.0 | |

a. Vẽ biểu đồ tròn biểu thị cơ cấu lao động phân theo khu vực kinh tế của nước ta trong năm 2000 và năm 2005.

b. Rút ra nhận xét cần thiết.

HƯỚNG DẪN CHẤM PHẦN TỰ LUẬN:

| Câu | Nội dung | Điểm |
|--|--|-------------|
| 1 | - Nêu khái niệm : | 1.5 |
| | - Tỉ suất sinh thô biến động : | |
| | + Nhìn chung giảm. | |
| 2 | + Nhóm nước Đang phát triển cao còn nhóm nước phát triển thấp | 0.5 |
| | - Vẽ biểu đồ tròn: Có tên, số liệu, tỉ lệ (thiếu mỗi ý- 0.25 điểm) | 1.5 |
| | - Nhận xét : | |
| | + Tỉ lệ lao động phân theo các khu vực kinh tế khác nhau. | |
| + Tỉ lệ lao động khu vực Nông- lâm- ngư nhiều và giảm. | 0.25 | |
| | + Tỉ lệ lao động khu vực Công nghiệp- xây dựng ít và tăng | 0.25 |

ĐỀ 9

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÝ LỚP 10

Thời gian: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Câu 1. Khí hậu ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật chủ yếu thông qua:

- A. Nhiệt độ, nước, đất, độ ẩm không khí
- B. Nhiệt độ, nước, độ ẩm không khí, đất và ánh sáng
- C. Nhiệt độ, nước, đất, địa hình, độ ẩm không khí và ánh sáng
- D. Nhiệt độ, nước, độ ẩm không khí và ánh sáng.

Câu 2. Nguồn lực tự nhiên bao gồm:

- A. Đất, nước, khí hậu, vốn, biển, sinh vật.
- B. Đất, nước, khí hậu, biển, sinh vật, vốn, khoáng sản.
- C. Đất, nước, khí hậu, biển, sinh vật, khoáng sản.
- D. Đất, nước, khí hậu, vốn, biển, sinh vật, thị trường

Câu 3. Cho dân số Việt Nam năm 2006 là 84 triệu người, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là 1,2%. Cho biết dân số năm 2007 là bao nhiêu:

- A. 85,800 triệu
- B. 85,08 triệu
- C. 85,008 triệu
- D. 85,00 triệu

Câu 4. Triệu cường xuất hiện khi:

- A. Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời nằm gần nhau
- B. Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời nằm thẳng hàng
- C. Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời nằm cách xa nhau
- D. Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời nằm vuông góc với nhau

Câu 5. Cho dân số huyện Vạn Ninh là 12000 người, số trẻ em sinh ra trong năm là 120 người, số người chết là 60 người. Hãy cho biết tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là bao nhiêu:

- A. 1,0%
- B. 1,0‰
- C. 0,5‰
- D. 0,5%

Câu 6. Các bộ phận hợp thành cơ cấu nền kinh tế bao gồm:

- A. Cơ cấu nông-lâm-ngư, công nghiệp-xây dựng, dịch vụ
- B. Cơ cấu ngành kinh tế, lãnh thổ kinh tế, thành phần kinh tế
- C. Cơ cấu ngành kinh tế, khu vực kinh tế trong nước, cơ cấu lãnh thổ
- D. Cơ cấu ngành kinh tế, khu vực kinh tế trong nước, toàn cầu và khu vực

Câu 7. Hai yếu tố của khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hình thành đất là:

- A. Nhiệt độ và độ ẩm
- B. Độ ẩm và lượng mưa
- C. Lượng bức xạ và lượng mưa
- D. Nhiệt độ và nắng

Câu 8. Nguyên nhân hình thành qui luật địa đới trên Trái Đất là:

- A. Sự thay đổi mùa trong năm
- B. Sự thay đổi lượng bức xạ Mặt Trời trong năm
- C. Sự thay đổi bức xạ Mặt Trời theo vĩ độ
- D. Sự chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm theo vĩ độ

Câu 9. Nhận định nào dưới đây là chưa chính xác :

- A. Ở những khu vực địa hình dốc, nước mưa được giữ lại rất ít dưới dạng nước ngầm, phần lớn chảy tràn trên bề mặt ngay sau khi mưa
- B. Nguồn nước ngầm ở các đồng bằng thường phong phú hơn nhiều với nguồn nước ngầm ở miền núi
- C. Nơi có lớp phủ thực vật phong phú thì lượng nước ngầm sẽ kém phong phú do thực vật đã hút rất nhiều nước ngầm
- D. Ở vùng đá thấm nước và khu vực mưa nhiều lượng nước ngầm lớn

- Câu 10. Đây được xem là thước đo phản ánh trung thực, đầy đủ tình hình biến động dân số của một quốc gia, một vùng:
- A. Gia tăng dân số B. Gia tăng tự nhiên C. Gia tăng cơ học D. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên
- Câu 11. Nhân tố đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành đất là:
- A. Đất mẹ B. Sinh vật C. Khí hậu D. Địa hình
- Câu 12. Trên cùng một vĩ tuyến, từ Tây sang Đông ở các lục địa có sự khác nhau về thảm thực vật do bị chi phối bởi
- A. quy luật địa đới B. quy luật địa ô C. quy luật đai cao D. quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí
- Câu 13. Hiện tượng nào dưới đây không biểu hiện cho qui luật địa đới:
- A. Sự phân bố các vành đai nhiệt trên Trái Đất B. Gió Mậu dịch
C. Gió Tây ôn đới D. Gió mùa
- Câu 14. Ý nào sau đây chính xác:
- A. Cơ cấu dân số theo tuổi là sự tập hợp những nhóm người sắp xếp theo những độ tuổi nhất định.
B. Cơ cấu dân số theo tuổi là sự tập hợp một nhóm người sắp xếp theo độ tuổi nhất định.
C. Cơ cấu dân số theo tuổi là sự tập hợp những nhóm người sắp xếp theo độ tuổi nhất định.
D. Cơ cấu dân số theo tuổi là sự tập hợp những nhóm người sắp xếp theo một độ tuổi nhất định.
- Câu 15. Tháp dân số kiểu mở rộng có đặc điểm:
- A. Phình to ở giữa, thu hẹp về hai phía đáy và đỉnh tháp.
B. Đáy tháp rộng, phình to ở giữa, đỉnh tháp nhọn.
C. Đáy tháp rộng, đỉnh tháp nhọn, các cạnh thoải.
D. Tháp có dạng hẹp ở phần đáy và mở rộng hơn ở phần đỉnh.
- Câu 16. Sóng biển là:
- A. Một hình thức dao động của nước biển theo chiều kim đồng hồ.
B. Một hình thức dao động của nước biển theo chiều ngang.
C. Một hình thức dao động của nước biển do sức hút của Mặt Trăng.
D. Một hình thức dao động của nước biển theo chiều thẳng đứng.
- Câu 17. Biểu hiện nào dưới đây không thể hiện qui luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí:
- A. Mùa lũ của sông diễn ra trùng với mùa mưa
B. Lượng cacbonic trong khí quyển tăng lên theo nhiệt độ Trái Đất nóng lên
C. Những trận động đất lớn trên lục địa gây ra hiện tượng sóng thần
D. Rừng đầu nguồn bị mất làm cho chế độ nước sông trở nên thất thường
- Câu 18. Đá mẹ cung cấp cho đất các thành phần:
- A. Mùn B. Hữu cơ C. Vi sinh vật D. Vô cơ
- Câu 19. Thủy triều là:
- A. Hiện tượng dao động thường xuyên, có chu kì của các khối nước trong các biển và đại dương
B. Hiện tượng dao động thường xuyên của các khối nước trong các biển và đại dương.
C. Hiện tượng dao động thường xuyên, liên tục của các khối nước trong các biển và đại dương.
D. Hiện tượng dao động thường xuyên, không liên tục của các khối nước trong các biển và đại dương
- Câu 20. Hoạt động nào sau đây có tác dụng điều hòa chế độ nước sông:
- A. Trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng ở hạ lưu và cửa sông
B. Chặt phá rừng tại thượng lưu các con sông
C. Trồng cây và bảo vệ rừng ở lưu vực sông
D. Bảo vệ rừng ở vùng Đồng bằng hạ lưu sông

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Trình bày khái niệm phân bố dân cư. Phân bố dân cư trên thế giới hiện nay có những đặc điểm nào? Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố đó?

Câu 2: (3 điểm) Cho bảng số liệu sau: Tỉ suất tử thô của các nước phát triển và đang phát triển, thời kì 1950-2005

| Thời kì | 1950-1955 | 1975-1980 | 1985-1990 | 1995-2000 | 2004-2005 |
|--------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| Các nước phát triển | 15 | 9 | 9 | 10 | 10 |
| Các nước đang phát triển | 28 | 17 | 12 | 9 | 8 |

a. Hãy vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tình hình tỉ suất tử thô của các nước phát triển và đang phát triển, thời kì 1950-2005.

b. Hãy nhận xét tình hình tỉ suất tử thô của các nước phát triển và đang phát triển, thời kì 1950-2005

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

| CÂU | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
|-----|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| ĐA | D | C | C | B | D | B | A | C | C | A | B | B | D | A | B | D | A | D | A | C |

II. PHẦN TỰ LUẬN (5 điểm)

| Câu | Đáp án | Biểu điểm |
|---|--|------------|
| Câu 1 | Trình bày khái niệm phân bố dân cư. Phân bố dân cư trên thế giới hiện nay có những đặc điểm nào? Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố đó? | 2,0 |
| | - Phân bố dân cư là sự sắp xếp dân số một cách tự phát hoặc tự giác trên một lãnh thổ nhất định, phù hợp với điều kiện sống và các yêu cầu của xã hội. | 0,5 |
| | - Đặc điểm phân bố dân cư: | |
| | + Phân bố dân cư không đều trong không gian | 0,25 |
| | + Biến động về phân bố dân cư theo thời gian | 0,25 |
| Câu 2 | Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tình hình tỉ suất tử thô của các nước phát triển và đang phát triển, thời kì 1950-2005 | 2,0 |
| | Yêu cầu: + Vẽ biểu đồ hình cột chính xác + Có chú giải và tên biểu đồ | |
| | Nhận xét tình hình tỉ suất tử thô của các nước phát triển và đang phát triển, thời kì 1950-2005. | 1,0 |
| | + Tỉ suất tử thô của các nước phát triển từ thời kì 1950-2005 giảm 5,0‰ | 0,25 |
| | + Tỉ suất tử thô của các nước đang phát triển từ thời kì 1950-2005 giảm 20‰ | 0,25 |
| + Tỉ suất tử thô của các nước đang phát triển và các nước phát triển có sự thay đổi : Thời kì 1950-1955: tỉ suất tử thô của các nước phát triển thấp hơn các nước đang phát triển 13‰ Thời kì 2004-2005: tỉ suất tử thô của các nước phát triển cao hơn các nước đang phát triển 2‰ | 0,50 | |

ĐỀ 10

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I

Môn ĐỊA LÝ LỚP 10

Thời gian: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Câu 1: Các đối tượng địa lí như các mỏ khoáng sản, các trung tâm công nghiệp, các nhà máy thủy điện, các hải cảng thường được biểu hiện bằng phương pháp nào trên bản đồ?

A. Phương pháp chấm điểm.

B. Phương pháp kí hiệu đường chuyển động.

- C. Phương pháp bản đồ, biểu đồ. D. Phương pháp kí hiệu.
- Câu 2:** Đường chuyển ngày quốc tế được qui định lấy theo kinh tuyến
 A. 90^0 B. 0^0 C. 180^0 D. 120^0
- Câu 3:** Nguyên nhân sinh ra ngoại lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất chủ yếu là do
 A. động đất, núi lửa, sóng thần. B. nguồn năng lượng của bức xạ Mặt Trời.
 C. vận động kiến tạo. D. sự di chuyển vật chất trong lớp Manti.
- Câu 4:** Sự phân bố các đới khí hậu trên Trái Đất là biểu hiện của quy luật nào?
 A. Quy luật địa đới. B. Quy luật phi địa đới.
 C. Quy luật tuần hoàn. D. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh.
- Câu 5:** “Pc” là chữ viết tắt của khối khí nào?
 A. Khối khí nhiệt đới nóng ẩm. B. Khối khí ôn đới lục địa.
 C. Khối khí ôn đới hải dương. D. Khối khí xích đạo lục địa.
- Câu 6:** Nhân tố nào sau đây quyết định thành phần cơ giới của đất?
 A. Con người. B. Sinh vật. C. Đá mẹ. D. Địa hình.
- Câu 7:** Ở miền ôn đới lạnh, sông thường có lũ vào
 A. mùa hạ. B. mùa xuân. C. mùa đông. D. mùa thu.
- Câu 8:** Nhận định nào sau đây **không đúng**?
 A. Ở nước ta tuổi lao động được quy định từ 18 tuổi trở lên.
 B. Phân bố dân cư là một hiện tượng xã hội có tính quy luật, do tác động tổng hợp của nhiều nhân tố.
 C. Ở những nước phát triển nữ nhiều hơn nam.
 D. Gia tăng dân số là thước đo phản ánh trung thực, đầy đủ tình hình biến động dân số của một quốc gia.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 9 (3,0 điểm)

- a) Gió mùa thường có ở đâu? Nguyên nhân hình thành gió mùa là gì?
 b) Kể tên các đới khí hậu từ cực về xích đạo. Tại sao càng về gần xích đạo nhiệt độ trung bình năm càng tăng?

Câu 10 (2,5 điểm)

- a) Nêu đặc điểm dao động của thủy triều.
 b) Thế nào là nguồn lao động? Phân biệt nhóm dân số hoạt động kinh tế và nhóm dân số không hoạt động kinh tế.

Câu 11 (2,5 điểm): Cho bảng số liệu

MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2011

(Đơn vị: người/km²)

| Châu lục | Châu Phi | Châu Mỹ | Châu Á | Châu Âu | Châu Đại Dương | Thế giới |
|---------------|----------|---------|--------|---------|----------------|----------|
| Mật độ dân số | 35 | 22 | 132 | 32 | 4 | 51 |

(Nguồn: Ủy ban nghiên cứu dân số Mĩ)

- a) Vẽ biểu đồ cột thể hiện mật độ dân số của thế giới và các châu lục.
 b) Nhận xét và giải thích về mật độ dân số của các châu lục.

----- HẾT -----

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu và Atlát Địa lí. Cán bộ coi không giải thích gì thêm)

Họ và tên:.....Số báo danh:.....

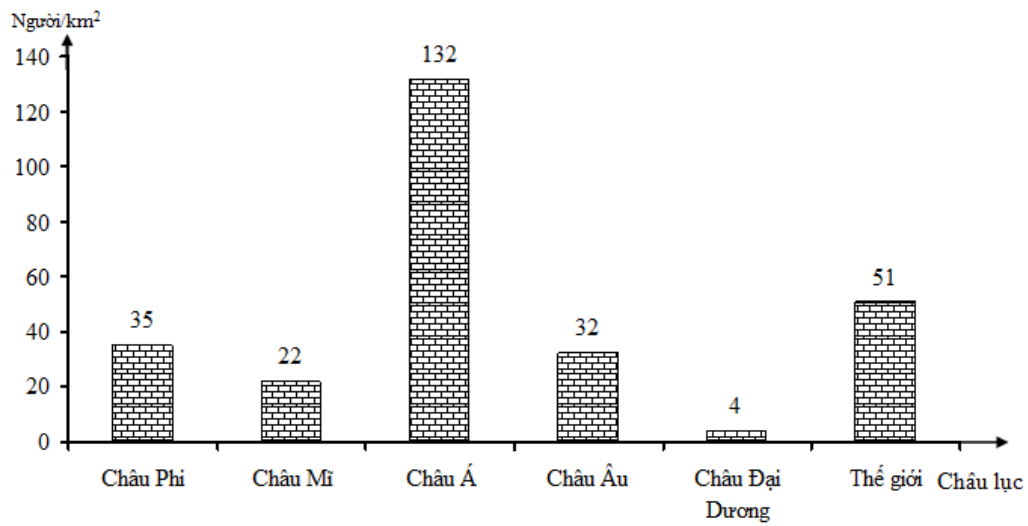
ĐÁP ÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2 điểm).

| | | | | | | | | |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | D | C | B | A | B | C | B | A |

II. PHẦN TỰ LUẬN (8 điểm).

| Câu | Nội dung | Điểm |
|--------------------------|--|------------|
| Câu 9 (3,0đ) | a) Gió mùa thường có ở đâu ? Nguyên nhân hình thành gió mùa là gì? | 2,0 |
| | - Gió mùa thường có ở đới nóng như: Nam Á, Đông Nam Á, Đông Phi, Đông Bắc Ô-xtrây-li-a... và một số vùng thuộc vĩ độ trung bình như: phía Đông Trung Quốc, Đông Nam LB Nga, Đông Nam Hoa Kỳ... | 1,0 |
| | - Nguyên nhân hình thành gió mùa khá phức tạp, chủ yếu là do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa, từ đó có sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp ở lục địa và đại dương . | 1,0 |
| | b) Kể tên các đới khí hậu từ cực về xích đạo. Tại sao càng về gần xích đạo nhiệt độ trung bình năm càng tăng? | 1,0 |
| | - Từ xích đạo về cực có 7 đới khí hậu: cực, cận cực, ôn đới, cận nhiệt đới, nhiệt đới, cận xích đạo, xích đạo. - Càng về gần xích đạo nhiệt độ trung bình năm càng tăng vì góc chiếu sáng của Mặt Trời (góc nhập xạ) càng lớn, lượng nhiệt nhận được càng nhiều. | 0,5 0,5 |
| Câu 10 (2,5 đ) | a) Nêu đặc điểm dao động của thủy triều: | 1,0 |
| | - Khi Mặt Trăng Mặt Trời, Trái Đất nằm thẳng hàng thì dao động thủy triều lớn nhất. | 0,5 |
| | - Khi Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời ở vị trí vuông góc thì dao động thủy triều nhỏ nhất. | 0,5 |
| | b) Thế nào là nguồn lao động? Phân biệt nhóm dân số hoạt động kinh tế và nhóm dân số không hoạt động kinh tế. | 1,5 |
| | - Nguồn lao động bao gồm bộ phận dân số trong độ tuổi quy định có khả năng tham gia lao động. | 0,5 |
| | - Nhóm dân số hoạt động kinh tế bao gồm những người có việc làm ổn định, có việc làm tạm thời và những người có nhu cầu lao động nhưng chưa có việc làm. - Nhóm dân số không hoạt động kinh tế bao gồm học sinh, sinh viên, những người nội trợ và những người thuộc tình trạng khác không tham gia lao động. | 0,5 0,5 |
| Câu 11 (2,5đ) | a) Vẽ biểu đồ cột thể hiện mật độ dân số của thế giới và các châu lục. | 1,5 |
| | - Vẽ biểu đồ cột (vẽ biểu đồ khác không cho điểm). - Vẽ đúng yêu cầu của biểu đồ cột, có đủ các yếu tố: các cột, châu lục, đơn vị, tên biểu đồ, số liệu,... (nếu thiếu, sai mỗi lỗi trừ 0,25 điểm). | 1,5 |



BIỂU ĐỒ MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC, NĂM 2011

| | |
|---|------------|
| b) Nhận xét và giải thích về mật độ dân số của các châu lục. | 1,0 |
| - Nhận xét: mật độ dân số có sự khác nhau giữa các châu lục (<i>nêu dẫn chứng</i>). | 0,5 |
| - Giải thích: do có sự khác nhau về diện tích và số dân giữa các châu lục. | 0,5 |

----- Hết -----